

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN – BÌNH TÂY
SAIGON BINH TAY BEER GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

Số/No. 210/2026/SBB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
*Independence - Freedom – Happiness***

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Ho Chi Minh City, August 28th, 2026

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2026, kết thúc tại ngày 30/06/2026)

(Information disclosure of Separate and Consolidated Interim Financial Statements for the first half of year 2026 Ended June 30, 2026)

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội
Respectfully to: The State Securities Commission
Ha Noi City Stock Exchange**

V/v: Công bố Báo cáo Tài chính Riêng và Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 và giải trình kết quả SXKD so với cùng kỳ năm 2025

Re: Disclosure of the Separate and Consolidated Interim Financial Statements for the first half of year 2026 and Explanation of Business Results Compared to the Same Period in 2025

Tên tổ chức : Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây
Organization name : Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Mã chứng khoán : SBB
Stock code : **SBB**
Địa chỉ : 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address : 08 Nam Ky Khoi Nghia, Sai Gon Ward, HCM City, Vietnam

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính hằng quý, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (Mã chứng khoán SBB) xin thuyết minh, trình bày các thông tin như sau:

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 Nov, 2020 of the Ministry of Finance regarding information disclosure of Quarterly Financial Statement, Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company (Stock code: SBB) would like to provide information and explanations as follows:

1- Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ năm 2026 kết thúc tại ngày 30/6/2026.
Separate statement of income for the first haft of year 2026 ended June 30, 2026.

CHỈ TIÊU	DESCRIPTION	Mã Code	6 Tháng đầu năm the first half of the year		Biến động 6 tháng đầu năm 2026/2025 Variance for the first half of the year 2026 compared to 2025	
			2026	2025	Amount	%
1	1	2	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1. Revenues from sales and services rendered	01	990.169.630.263	848.923.690.805	141.245.939.458	16,64%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2. Revenue deductions	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3. Net sales from goods and services sold	10	990.169.630.263	848.923.690.805	141.245.939.458	16,64%
4. Giá vốn hàng bán	4. Costs of goods sold	11	831.266.854.520	805.401.481.716	25.865.372.804	3,21%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	5. Gross profit from goods and services sold	20	158.902.775.743	43.522.209.089	115.380.566.654	265,11%
7. Doanh thu hoạt động tài chính	7. Revenue from financing activity	22	15.169.560.008	35.177.040.520	(20.007.480.512)	-56,88%
9. Chi phí tài chính	9. Financial activities expenses	23	2.893.946.276	8.376.732.213	(5.482.785.937)	-65,45%
- Trong đó: Chi phí đi vay	- In which: Interest expense	24	2.600.264.314	8.370.717.797	(5.770.453.483)	-68,94%
10. Chi phí bán hàng	10. Selling expenses	25	4.619.652.774	7.784.351.617	(3.164.698.843)	-40,65%
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11. General & administration expenses	26	39.767.716.863	12.843.609.079	26.924.107.784	209,63%
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23+ 25 + 26)}	12. Net profit from operating activity	30	126.791.019.838	49.694.556.700	77.096.463.138	155,14%
13. Thu nhập khác	13. Other incomes	31	303.842.701	98.693.273	205.149.428	207,87%
14. Chi phí khác	14. Other expenses	32	188.711.853	34.553.624	154.158.229	446,14%
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	15. Other profits (40 = 31 - 32)	40	115.130.848	64.139.649	50.991.199	79,50%
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	16. Total accounting profit before tax	50	126.906.150.686	49.758.696.349	77.147.454.337	155,04%
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17. Current profit tax expense	51				
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	18. Deferred profit tax expense	52				
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	19. Profit after profit tax	60	126.906.150.686	49.758.696.349	77.147.454.337	155,04%

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2026 so với kết quả cùng kỳ năm 2025 đạt được kết quả tốt là sản lượng tiêu thụ tăng, bên cạnh đó là cơ cấu quản lý bộ máy sản xuất hoạt động hiệu quả, quản lý tốt tiết kiệm chi phí nên tỉ lệ tăng lãi gộp tăng cao.*
- *Revenue from sales of goods and provision of services in the six-month of year 2026 achieved strong results compared to the same period in 2025, driven by higher sales volume. In addition, the production and management structure operated more efficiently, with improved cost control and cost savings, resulting in a significant increase in the gross profit margin.*

Hà / 11/06/2026

2- Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ năm 2026.

Consolidated statement of income for the first haft of year 2026 ended June 30, 2026.

Chỉ tiêu	Description	Mã Code	6 Tháng đầu năm the first half of the year		Biến động 6 tháng đầu năm 2026/2025 Variance for the first half of the year 2026 compared to H1Y2025	
			2026	2025	Amount	%
[1]		[2]	[4]	[5]	6 =[4]-[5]	[7]=[6]/[5]
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenues from sales and services rendered	01	1.741.772.699.276	1.560.891.909.219	180.880.790.057	11,59%
Các khoản giảm trừ doanh thu	Revenue deductions	02				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net sales from goods and services sold	10	1.741.772.699.276	1.560.891.909.219	180.880.790.057	11,59%
Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold	11	1.487.345.883.367	1.479.608.687.821	7.737.195.546	0,52%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from goods and services sold	20	254.426.815.909	81.283.221.398	173.143.594.511	213,01%
Doanh thu hoạt động tài chính	Revenue from financing activity	22	8.800.878.098	9.473.485.365	(672.607.267)	-7,10%
Chi phí tài chính	Financial activities expenses	23	2.898.335.714	8.376.732.213	(5.478.396.499)	-65,40%
- Trong đó: Chi phí đi vay	- In which: Interest expense	24	2.600.264.314	8.370.717.797	(5.770.453.483)	-68,94%
Chi phí bán hàng	Selling expenses	25	6.649.359.209	11.200.193.114	(4.550.833.905)	-40,63%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	General & administration expenses	26	41.386.875.200	27.269.274.193	14.117.601.007	51,77%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty Liên doanh, Liên kết	Shares of profit of associates, joint-ventures	27		6.326.991.170	(6.326.991.170)	-100,00%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 +23- (24+ 26 + 27)}	Net profit from operating activity	30	212.293.123.884	50.237.498.413	162.055.625.471	322,58%
Thu nhập khác	Other incomes	31	735.845.158	155.966.000	579.879.158	371,80%
Chi phí khác	Other expenses	32	291.852.647	2.551.847.510	(2.259.994.863)	-88,56%
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	Other profits	40	443.992.511	(2.395.881.510)	2.839.874.021	118,53%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	Total accounting profit before tax	50	212.737.116.395	47.841.616.903	164.895.499.492	344,67%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current profit tax expense	51	8.990.313.951	5.779.155.754	3.211.158.197	55,56%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred profit tax expense	52	3.486.543.982		3.486.543.982	100,00%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	Profit after profit tax	60	200.260.258.462	42.062.461.149	158.197.797.313	376,10%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	Earning per share (*)	70	2.137	426	1.711	401,64%

- Doanh thu hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 tăng 180,88 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 11,59%. Trong khi đó, giá vốn hàng bán hợp nhất chỉ tăng 7,74 tỷ đồng, tương ứng 0,52%. Kết quả này có được nhờ nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên trong Tập đoàn trong việc cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất và tiết kiệm chi phí. Nhờ đó, lợi nhuận gộp tăng hơn 173 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng 213,01% so với cùng kỳ năm 2025.

11/11/2026

Consolidated revenue for the first six months of 2026 increased by VND 180.88 billion, equivalent to an 11.59% increase, compared to the same period in 2025. Meanwhile, consolidated cost of goods sold increased by only VND 7.74 billion, equivalent to 0.52%. This result was attributable to the efforts of all employees across the Group in improving production techniques, enhancing operational efficiency, and reducing production costs. As a result, gross profit increased by more than VND 173 billion, representing a 213.01% growth compared to the same period in 2025.

Chúng tôi xin được đính kèm Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ kết thúc tại 30/06/2026.

We would like to attach the separate and consolidated financial statements for the period as at June 30, 2026.

Trân trọng ./.

Respectfully./.



Lee Chio Lim Larry

Đại diện tổ chức/Representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

Legal representative/Disclosure Authorization

Tài liệu đính kèm:

- ☐ BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026 /*Separate interim Financial Statements for the first half of year 2026 ended June 30, 2026*
- ☐ BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026 /*Consolidated Financial Statements for the first half of year 2026 ended June 30, 2026*

